

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 84/2025/DS-ST

Ngày: 29/5/2025

V/v: *Kiện đòi tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Thanh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tạc và bà Trần Thị Liên
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trương Thị Mai Anh –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:* Ông Phạm Việt Bắc, chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1016/2024/TLST-DS ngày 29/11/2024 về việc: “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXX-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Quỳnh A.

Địa chỉ: 4 H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đức S.

Địa chỉ: A H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH T.

Địa chỉ trụ sở: Số F N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Tổng Quốc C.

Nơi đăng ký thường trú: 4 T, Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Đức S trình bày:

Vào ngày 20/03/2015 Công ty TNHH T, đại diện là ông Hồ Tổng Quốc C đến vay bà Quỳnh A số tiền 6.000.000.000 đồng, nói là để đầu tư kinh doanh. Vì chỗ quen biết lâu năm nên bà Quỳnh A đồng ý cho Công ty TNHH T vay. Tuy trong Hợp đồng vay tiền ngày 20/03/2015 không có ghi lãi suất, nhưng họ có thỏa thuận bằng miệng là lãi suất 20%/năm.

Tuy nhiên, từ thời điểm bà Quỳnh A cho Công ty TNHH T – Đại diện là ông Hồ Tổng Quốc C vay thì Công ty không hề trả cho bà Quỳnh A bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào, nhiều lần lần tránh.

Đến ngày 04/01/2018, Công ty TNHH T – Đại diện là ông Hồ Tổng Quốc C cùng bà Quỳnh A có lập Biên bản làm việc về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ. Theo đó Giám đốc Công ty TNHH T xác nhận còn nợ bà Quỳnh A số tiền 6.000.000.000 đồng và hứa hẹn trong vòng 01 tháng trả hết nợ cho bà Quỳnh A, nếu sai hẹn đồng ý chịu lãi suất quá hạn theo quy định nhà nước.

Đến nay, Công ty TNHH T vẫn chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc, hay lãi suất nào và bà Quỳnh A cũng không liên lạc được với ông Hồ Tổng Quốc C - Giám đốc Công ty TNHH T.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH T trả cho bà Trần Thị Quỳnh A số tiền 6.000.000.000 đồng, về tiền lãi không yêu cầu. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn Công ty TNHH T K, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Hồ Tổng Quốc C - Giám đốc Công ty TNHH T:

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn cố tình lần tránh, không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh A.

Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Quỳnh A số tiền nợ gốc 6.000.000.000 đồng.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện, các chứng cứ kèm theo Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là kiện đòi tài sản, bị đơn Công ty TNHH T có trụ sở tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 20/03/2015 Công ty TNHH T có vay bà Trần Thị Quỳnh A số tiền 6.000.000.000 đồng. Đến ngày 04/01/2018, Công ty TNHH T – Đại diện là ông Hồ Tổng Quốc C cùng bà Trần Thị Quỳnh A có lập Biên bản làm việc về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ. Theo đó Giám đốc Công ty TNHH T xác nhận còn nợ bà Trần Thị Quỳnh A số tiền 6.000.000.000 đồng và cam kết trả nợ. Tuy nhiên, đến nay Công ty TNHH T không thực hiện như cam kết, nên nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ là Giấy xác nhận nợ đề ngày 20/3/2015, thể hiện nội dung bà Trần Thị Quỳnh A cho Công ty TNHH T vay số tiền 6.000.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh, dưới phần đại diện bên B (Bên vay) có chữ ký ông Hồ Tổng Quốc C, là đại diện theo pháp luật của Công ty và đóng dấu Công ty TNHH T. Ngày 04/01/2018, giữa Công ty TNHH T và bà Trần Thị Quỳnh A lập biên bản làm việc về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ, nội dung xác nhận số tiền nợ gốc 6.000.000.000 đồng và cam kết trả nợ theo từng đợt, đợt cuối cùng (Đợt 6) là vào

ngày 5/6/2018 trả số tiền 400.000.000 đồng, có chữ ký ông Hồ Tổng Quốc C, là đại diện theo pháp luật của Công ty và đóng dấu Công ty TNHH T.

Kể từ khi vay đến nay thì Công ty TNHH T chưa trả cho bà Trần Thị Quỳnh A số tiền gốc, tiền lãi nào. Như vậy, Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Quỳnh A số tiền 6.000.000.000 đồng nợ gốc. Về tiền lãi Bà Trần Thị Quỳnh A không yêu cầu Công ty TNHH T trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: $112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 114.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 163, Điều 164 và Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh A.

Buộc bị đơn Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh A số tiền 6.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH T phải chịu 114.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị Quỳnh A số tiền 62.749.000 đồng tạm ứng án phí mà Võ Thị Như Q đã nộp thay cho bà Trần Thị Quỳnh A theo biên lai thu số AA/2023/0012798 ngày 19/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh